TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN SÓC SƠN	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TP. HÀ NỘI	

Bản án số: **42/**2024/HNGĐ - ST

Ngày: 16/8/2024.

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ngô Minh Cường.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Dương Văn Xuyên**.

Bà **Nguyễn Thị Hồng.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Hà –** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên toà: Bà **Đỗ Thị Mai Xiêm** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng

5 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXX - ST ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh ***Ngô Đức T***, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn P, xã Minh P, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội.

- *Bị đơn:* Chị ***Nguyễn Thị D***, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn P, xã Minh P, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Ngô Đức T trình bày:

-Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị D có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương năm 1998, vợ chồng kết hôn có tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh P, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội ngày 06/6/1998.

Sau khi kết hôn xong thì vợ chồng anh về sống chung cùng với bố mẹ anh tại thôn P, xã Minh P, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội khoảng 01 năm thì ra ở riêng.

Quá trình chung sống vợ chồng anh sống hạnh phúc được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị D đi làm công nhân thì anh nghi ngờ chị D có quan hệ với người khác, mặt khác chị D không quan tâm lo lắng cho gia đình, anh có nói thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn chị D tự ý bỏ ra thuê nhà ở chỗ khác, không còn sống chung với nhau nữa. Anh đã nhiều lần gọi chị D về để cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành nhưng chị D về ở với anh được vài ngày thì lại tiếp tục dọn ra ngoài sống. Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã được gia đình hai bên động viên hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng anh sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai quan tâm

đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị D.

-Về con chung: Vợ chồng anh có 04 con chung là Ngô Thị H, sinh ngày 15/10/1999, Ngô Thị T, sinh ngày 19/02/2003, Ngô Đức H, sinh ngày 12/11/2009 và Ngô Đức H, sinh ngày 12/11/2009. Hiện nay cháu H và cháu T đã trưởng thành, tự lo được cho bản thân, không đề nghị Tòa án giải quyết. Hiện nay cháu H và cháu H đang ở với chị D. Ly hôn anh đề nghị mỗi người nuôi 01 con, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Hiện nay anh làm tự do thu nhập bình quân khoảng 10.000.000đ/tháng.

-Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận giải quyết, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày:***

-Về hôn nhân: Chị và anh Ngô Đức T có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương năm 1998, vợ chồng kết hôn có tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh P, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội.

Sau khi kết hôn xong thì vợ chồng chị ở chung cùng bố mẹ anh T khoảng vài tháng thì ra ở riêng.

Quá trình chung sống vợ chồng chị sống hạnh phúc đến tháng 4/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T sống gia trưởng thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Đến năm 2019 chị phát hiện ra anh T có quan hệ với người phụ nữ khác thì anh T về đánh đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà và mẹ con chị phải đi thuê nhà để ở từ năm 2019 đến nay. Việc anh T đánh chị, chị không nhờ cơ quan nào can thiệp, xử lý về việc anh T đánh chị. Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

-Về con chung: Vợ chồng chị có 04 con chung là Ngô Thị H, sinh ngày 15/10/1999, Ngô Thị T, sinh ngày 19/02/2003, Ngô Đức H, sinh ngày 12/11/2009 và Ngô Đức H, sinh ngày 12/11/2009. Hiện nay cháu H đã có gia đình riêng, tự lo được cho bản thân, cháu T đã đi làm, tự lo được cho bản thân nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Còn cháu H và cháu H chị đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của các con, các cháu muốn ở với ai thì để các cháu tự quyết định. Nếu các con muốn ở với chị thì chị nuôi, còn việc anh T có cấp dưỡng nuôi con hay không thì tùy ở anh T.

Hiện nay chị làm công nhân của Công ty Sợi Vĩnh Phát thu nhập bình quân khoảng 7.000.000đ/tháng.

-Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận giải quyết, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Thư ký Tòa án; Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 71, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 326/2016/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Ngô Đức T. Cho anh Ngô Đức T được ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

+ Về con chung: Giao cháu Ngô Đức H cho anh T và giao cháu Ngô Đức H cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung 18 tuổi hoặc có quyết định khác của Tòa án.

+ Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét giải quyết

+ Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh T xin ly hôn chị D, hiện chị D cư trú tại thôn P, xã Minh P, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Chị Nguyễn Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị D.

[2] Về nội dung: Anh Ngô Đức T kết hôn cùng chị Nguyễn Thị D trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh P, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01/1998 ngày 06/6/1998. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh T và chị D đều xác nhận vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không quan tâm chăm sóc đến nhau và không có sự tin tưởng lẫn nhau. Sau khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng đã nhiều lần tự hòa giải và được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh T, chị D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đều xin được ly hôn. Như vậy mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên chấp nhận yêu cầu của anh T, cho anh T được ly hôn chị D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Anh T và chị D có 04 con chung là Ngô Thị H, sinh ngày 15/10/1999, Ngô Thị T, sinh ngày 19/02/2003, Ngô Đức H, sinh ngày 12/11/2009 và Ngô Đức H, sinh ngày 12/11/2009. Hiện nay cháu Hà và cháu T đã trưởng thành, tự lo được cho bản thân nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Còn cháu H và

cháu H chị D đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của các con, anh T đề nghị mỗi người nuôi 01 con. Xét yêu cầu của các bên Hội đồng xét xử nhận thấy: Hiện nay cháu H và cháu H đang ở cùng với chị D tại thôn P, xã Minh P, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội và có nguyện vọng ở với chị D. Tuy nhiên, hiện nay chị D đang đi thuê nhà ở nên chỗ ở không ổn định nên thấy để đảm bảo việc chăm sóc, giáo dục con được tốt nhất thấy cần giao cho mỗi người nuôi 01 con là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên là trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi dưỡng có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con". Do mỗi anh chị nuôi 01 con và anh chị đều có thu nhập để nuôi con nên các bên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[4] Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: anh T, chị D không đề nghị nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 235 Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Ngô Đức T. Cho anh Ngô Đức T được ly hôn chị Nguyễn Thị D. Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Xác nhận anh T và chị D có 04 con chung là Ngô Thị H, sinh ngày 15/10/1999, Ngô Thị T, sinh ngày 19/02/2003, Ngô Đức H, sinh ngày 12/11/2009 và Ngô Đức H, sinh ngày 12/11/2009. Giao con chung là Ngô Đức H, sinh ngày 12/11/2009 cho anh Ngô Đức T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao con chung là Ngô Đức H, sinh ngày 12/11/2009 cho chị Nguyễn Thị D trược tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định khác của Tòa án thay thế.

Cháu Ngô Thị H, sinh ngày 15/10/1999, Ngô Thị T, sinh ngày 19/02/2003 hiện đã thành niên, tự lo được cho bản thân, không đặt ra giải quyết.

Anh T, chị D được quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, anh được trừ vào số tiền 300.000đ anh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu ký hiệu BLTU/23 số 0022570 ngày 14/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn (đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Dương Văn Xuyên Ngô Minh Cường